TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-5-2023
"Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng
2. Bà Huỳnh Kim Phượng

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Lê Hồ Quế Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long**: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 61/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/QĐXXST- HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1992, nơi cư trú Thôn Đông Th, xã Phú X, huyện Thọ X, tỉnh Thanh Hóa. (Xin vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Quốc X, sinh năm 1985 nơi cư trú ấp Bình Thuận , xã Hòa N, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2023 và các tài liệu khác trong hồ sơ nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2014 chị T và anh X do quen biết nhau nên tiến đến hôn nhân, không có tổ chức đám cưới mà chỉ có làm mâm cơm cúng ông, bà ra mắt. Đến năm 2016 thì chị T sinh con thì anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận ngày 10/6/2016.

Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh X có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Nguyên Ph, sinh ngày 29/2/2016 hiện cháu Ph do chị T nuôi dưỡng.

Cháu Phát đã 7 tuổi nhưng bị khuyết tật vận động, trí tuệ nặng (có xác nhận khuyết tật ngày 22/7/2022 của Ủy Ban nhân dân xã Phú Xuân).

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẩn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cự cải nhau. Anh X không làm tròn trách nhiệm người chồng, người cha, không phụ chị T chăm lo nuôi dưỡng con chung, anh X sống không chung thủy có người phụ nữ khác bên ngoài và bỏ nhà đi sống chung với người phụ nữ khác. Chị T đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, nên năm 2017 chị T và cháu Phát về sống nhà cha mẹ ruột chị T ở tỉnh Thanh Hóa và anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không liên lạc nhau, không còn quan tâm nhau. Anh X chặn số điện thoại chị T, khi cần thì anh X liên lạc chị T. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc X.

Về con chung: Cháu Nguyễn Hoàng Nguyên Ph, sinh ngày 29/2/2016, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 20/4/2023 chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

* *Ý kiến trình bày của bị đơn anh X:* Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn anh X hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trịnh Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Hồ giải quyết ly hôn anh Nguyễn Quốc X, sinh năm 1985 cư trú ấp Bình Thuận, xã Hòa N, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 20 tháng 4 năm 2023 chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị T. Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm cho anh Nguyễn Quốc X đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh X hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh X. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Quốc X.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Quốc X có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/6/2016 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là hoàn toàn có cơ sở. Bởi vì, về mâu thuẩn vợ chồng giữa chị T và anh X trầm trọng là đúng, anh chị có thời gian sống ly thân rất lâu từ năm 2017 đến nay, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, anh X đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải nhưng không tham gia và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị T, nên không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trịnh Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc X.

[2.2] Về con chung: Cháu Nguyễn Hoàng Nguyên Ph, sinh ngày 29/2/2016 chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị T là hoàn toàn có cơ sở vì từ khi anh chị sống ly thân đến nay thì cháu Ph sống với chị T, chị T nuôi dưỡng cháu Phát cũng đảm bảo tốt mọi mặt đời sống sinh hoạt của cháu Ph, cho nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Ph cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Anh X không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị T không được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị Trịnh Thị T không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Chị Trịnh Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, 56 và Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị T đối với anh Nguyễn Quốc X. Cho chị Trịnh Thị T ly hôn với anh Nguyễn Quốc X.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Nguyên Ph, sinh ngày 29/2/2016 cho chị Trịnh Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Quốc X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

4. Về quan hệ tài sản: Chị Trịnh Thị T không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Trịnh Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo lai thu số 0004715 ngày 13 tháng 2 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ. Vậy chị Trịnh Thị T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND.H Long Hồ 01;
- Chi cục THADS.H Long Hồ 01;
- UBND xã Hòa Ninh 01;
- Các đương sự 02;
- Lưu hồ sơ 01.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Diễm